

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
CHUỖI GIÁ TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 349/CV-DVĐG

V/v niêm yết công khai thông báo
đấu giá tài sản

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 10 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông;
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Nam Đông;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre.

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 50/2023/HĐDVĐG ngày 24/10/2023 giữa Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Nam Đông và Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị về việc đấu giá quyền sử dụng đất gồm 58 lô đất tại quy hoạch cụm dân cư tổ dân phố 1 và 01 lô đất thu hồi từ công ty cổ phần đường bộ I, tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

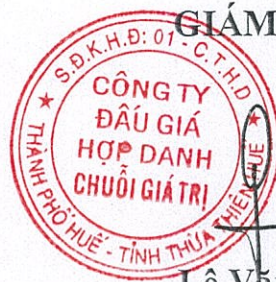
Để đảm bảo việc đấu giá tài sản theo đúng quy định, Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị kính đề nghị quý cơ quan niêm yết công khai Thông báo đấu giá tài sản số: 173/TB-DVĐG ngày 25/10/2023 tại trụ sở quý cơ quan đến hết 17h00 ngày 16/11/2023.

Rất mong sự phối hợp của quý cơ quan./.

(Đính kèm theo thông báo số 173/TB-DVĐG ngày 25/10/2023)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;



GIÁM ĐỐC ^{nz}

Lê Văn Lập

Số: 173/TB-DVĐG

Huế, ngày 25 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc đấu giá quyền sử dụng đất gồm 58 lô đất tại quy hoạch cụm dân cư tổ dân phố 1 và 01 lô đất thu hồi từ công ty cổ phần đường bộ I, tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Nam Đông phối hợp với Công ty đầu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất gồm 58 lô đất tại quy hoạch cụm dân cư tổ dân phố 1 và 01 lô đất thu hồi từ công ty cổ phần đường bộ I, tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM QUỸ ĐẤT ĐẤU GIÁ:

1. Quyền sử dụng đất gồm 58 lô đất tại khu quy hoạch cụm dân cư tổ dân phố 1, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế:

a. Tổng diện tích khu đất: 11.408 m²

b. Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị;

c. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;

d. Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá cấp quyền sử dụng đất.

e. Hạ tầng kỹ thuật: Hiện trạng các tuyến đường quy hoạch là đường nhựa, có điều kiện giao thông và kinh doanh đặc biệt thuận lợi, điều kiện cấp điện, cấp nước thuận lợi;

f. Thông tin quy hoạch:

- Mật độ xây dựng thuần $\leq 70\%$.

- Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi xây dựng so với chỉ giới đường đỏ):

+ Mặt cắt đường 19,5m (4,5m + 10,5m + 4,5 m). Khoảng lùi 4m.

+ Mặt cắt đường 16,5m (3,0m + 10,5m + 3,0m). Khoảng lùi 4m.

+ Mặt cắt đường 11,5m (3,0m + 5,5m + 3,0m). Khoảng lùi 3m

g. Các nội dung quy định về quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị và các thông số kỹ thuật không chế công trình thực hiện theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND huyện Nam Đông về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân lô cụm dân cư khu vực 1, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông.

2. Quyền sử dụng đất lô đất thu hồi từ Công ty cổ phần đường bộ I tại thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông:

a. Diện tích lô đất: 273,5 m²

b. Vị trí: Tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông

c. Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị;

d. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;

e. Chỉ giới đường đỏ:

- Tuyến đường Khe Tre là 13m so với tim đường.
- Tuyến đường nhựa Nội thị 8.25m so với tim đường.

f. Độ cao san nền: +45 cm so với độ cao vỉa hè đường Khe Tre và đường nhựa Nội thị.

g. Mật độ xây dựng công trình: Diện tích xây dựng/Diện tích thửa đất 70%.

h. Chiều cao xây dựng công trình: ≤ 3 tầng. (Chiều cao tối đa 12m).

i. Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi 4 m so với chỉ giới đường đỏ.

j. Yêu cầu kiến trúc: Công trình thiết kế theo công năng sử dụng và tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, quy hoạch được phê duyệt.

k. Yêu cầu về cây xanh, môi trường: Tăng cường trồng cây xanh khoảng 5% diện tích thửa đất.

l. Những nội dung khác: Thực hiện đúng theo Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre được phê duyệt tại Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án nếu gặp khó khăn vướng mắc, Chủ đầu tư, phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Nam Đông để xác định vị trí phù hợp theo Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre đã được phê duyệt.

II. MỨC GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, BƯỚC GIÁ:

Stt	Ký hiệu lô đất	Số Thửa	Vị trí, loại đường	Loại Đất	Diện tích/lô (m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá
Khu quy hoạch cụm dân cư tổ dân phố 1, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế									
1	B1	493	Hai mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m và đường Võ Hạp	ODT	312,5	2.860.000	893.750.000	179.000.000	18.000.000
2	B2	494	Hai mặt tiền; Đường Bế Văn Đàn rộng 16,5 m và đường Võ Hạp	ODT	319,1	3.070.000	979.637.000	196.000.000	20.000.000
3	B57	549	Hai mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m và đường QH rộng 11,5m	ODT	337,3	2.860.000	964.678.000	193.000.000	19.000.000
4	B58	550	Hai mặt tiền; Đường Bế Văn Đàn rộng 16,5 m và Đường QH rộng 11,5m	ODT	335,9	3.070.000	1.031.213.000	206.000.000	21.000.000
5	B4	496	Một mặt tiền; Đường Bế Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,2	2.930.000	545.566.000	109.000.000	11.000.000
6	B6	498	Một mặt tiền; Đường Bế Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,4	2.930.000	546.152.000	109.000.000	11.000.000
7	B8	500	Một mặt tiền; Đường Bế Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,3	2.930.000	545.859.000	109.000.000	11.000.000
8	B10	502	Một mặt tiền; Đường Bế Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,4	2.930.000	546.152.000	109.000.000	11.000.000

Stt	Ký hiệu lô đất	Số Thửa	Vị trí, loại đường	Loại Đất	Diện tích/lô (m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá
9	B12	504	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,3	2.930.000	545.859.000	109.000.000	11.000.000
10	B14	506	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,6	2.930.000	546.738.000	109.000.000	11.000.000
11	B16	508	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,3	2.930.000	545.859.000	109.000.000	11.000.000
12	B18	510	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,7	2.930.000	547.031.000	109.000.000	11.000.000
13	B20	512	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,5	2.930.000	546.445.000	109.000.000	11.000.000
14	B22	514	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,9	2.930.000	547.617.000	110.000.000	11.000.000
15	B24	516	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,5	2.930.000	546.445.000	109.000.000	11.000.000
16	B26	518	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,8	2.930.000	547.324.000	109.000.000	11.000.000
17	B28	520	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,7	2.930.000	547.031.000	109.000.000	11.000.000
18	B30	522	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187	2.930.000	547.910.000	110.000.000	11.000.000
19	B32	524	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,8	2.930.000	547.324.000	109.000.000	11.000.000
20	B34	526	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187	2.930.000	547.910.000	110.000.000	11.000.000
21	B36	528	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,8	2.930.000	547.324.000	109.000.000	11.000.000
22	B38	530	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,2	2.930.000	548.496.000	110.000.000	11.000.000
23	B40	532	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	186,9	2.930.000	547.617.000	110.000.000	11.000.000
24	B42	534	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,4	2.930.000	549.082.000	110.000.000	11.000.000
25	B44	536	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187	2.930.000	547.910.000	110.000.000	11.000.000
26	B46	538	Một mặt tiền; Đường Bê Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,4	2.930.000	549.082.000	110.000.000	11.000.000

Stt	Ký hiệu lô đất	Số Thửa	Vị trí, loại đường	Loại Đất	Diện tích/lô (m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá
27	B48	540	Một mặt tiền; Đường Bé Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,2	2.930.000	548.496.000	110.000.000	11.000.000
28	B50	542	Một mặt tiền; Đường Bé Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,4	2.930.000	549.082.000	110.000.000	11.000.000
29	B52	544	Một mặt tiền; Đường Bé Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,1	2.930.000	548.203.000	110.000.000	11.000.000
30	B54	546	Một mặt tiền; Đường Bé Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,7	2.930.000	549.961.000	110.000.000	11.000.000
31	B56	548	Một mặt tiền; Đường Bé Văn Đàn rộng 16,5 m	ODT	187,3	2.930.000	548.789.000	110.000.000	11.000.000
32	B3	495	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	186,5	2.730.000	509.145.000	102.000.000	10.000.000
33	B5	497	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	186,4	2.730.000	508.872.000	102.000.000	10.000.000
34	B7	499	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	186,5	2.730.000	509.145.000	102.000.000	10.000.000
35	B9	501	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	186,5	2.730.000	509.145.000	102.000.000	10.000.000
36	B11	503	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187	2.730.000	510.510.000	102.000.000	10.000.000
37	B13	505	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	186,5	2.730.000	509.145.000	102.000.000	10.000.000
38	B15	507	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	186,9	2.730.000	510.237.000	102.000.000	10.000.000
39	B17	509	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	186,9	2.730.000	510.237.000	102.000.000	10.000.000
40	B19	511	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187	2.730.000	510.510.000	102.000.000	10.000.000
41	B21	513	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187	2.730.000	510.510.000	102.000.000	10.000.000
42	B23	515	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,2	2.730.000	511.056.000	102.000.000	10.000.000
43	B25	517	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,1	2.730.000	510.783.000	102.000.000	10.000.000
44	B27	519	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,4	2.730.000	511.602.000	102.000.000	10.000.000

Stt	Ký hiệu lô đất	Số Thửa	Vị trí, loại đường	Loại Đất	Diện tích/lô (m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Bước giá
45	B29	521	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,2	2.730.000	511.056.000	102.000.000	10.000.000
46	B31	523	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,5	2.730.000	511.875.000	102.000.000	10.000.000
47	B33	525	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,5	2.730.000	511.875.000	102.000.000	10.000.000
48	B35	527	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,6	2.730.000	512.148.000	102.000.000	10.000.000
49	B37	529	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,5	2.730.000	511.875.000	102.000.000	10.000.000
50	B39	531	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,9	2.730.000	512.967.000	103.000.000	10.000.000
51	B41	533	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,6	2.730.000	512.148.000	102.000.000	10.000.000
52	B43	535	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,9	2.730.000	512.967.000	103.000.000	10.000.000
53	B45	537	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,8	2.730.000	512.694.000	103.000.000	10.000.000
54	B47	539	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	188,2	2.730.000	513.786.000	103.000.000	10.000.000
55	B49	541	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	187,9	2.730.000	512.967.000	103.000.000	10.000.000
56	B51	543	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	188,3	2.730.000	514.059.000	103.000.000	10.000.000
57	B53	545	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	188,1	2.730.000	513.513.000	103.000.000	10.000.000
58	B55	547	Một mặt tiền; Đường QH rộng 11,5 m	ODT	188,5	2.730.000	514.605.000	103.000.000	10.000.000
Lô đất thu hồi từ Công ty cổ phần đường bộ, tại TDP2, thị trấn Khe Tre									
59	Thửa đất 189, tờ bản đồ số 12			ODT	273,5	6.950.000	1.900.825.000	380.165.000	38.000.000
Tổng cộng					11.681,5		34.360.799.000	6.872.165.000	

- Ghi chú: Giá khởi điểm trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ về đất và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định.

- Bước giá: Tính cho một vòng đấu/lô đất kể từ vòng đấu thứ 2 trở đi

III. NGƯỜI ĐƯỢC THAM GIA ĐẤU GIÁ:

Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai năm 2013 có nhu cầu sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất và cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đúng các quy định của Luật Đất đai 2013;

Trong mỗi lô đất thì (01) một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá.

IV. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ:

Các đối tượng quy định tại Mục III nêu trên được đăng ký tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện sau:

- Cá nhân, hộ gia đình không thuộc trường hợp tại khoản 4 Điều 38 của Luật đấu giá 2016.

- Có đơn đề nghị được tham gia đấu giá theo mẫu do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch và đúng các quy định của Luật Đất đai năm 2013;

- Phải thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá (chi tiết được ghi trong mẫu đơn được phát hành) và nộp các khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định.

V. TIỀN MUA HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ: 500.000 đồng/hồ sơ/lô.

VI. THỜI GIAN THAM KHẢO, CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ, MUA, NỘP HỒ SƠ ĐẤU GIÁ VÀ TIỀN ĐẶT TRƯỚC:

1. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Từ ngày ra thông báo cho đến 17h00 ngày 14/11/2023 tại khu quy hoạch cụm dân cư tổ dân phố 1 và thửa đất số 189 tờ bản đồ số 12, tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Khách hàng có quyền xem hoặc không xem tài sản đấu giá. Người đăng ký tham gia đấu giá không xem tài sản thì hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin liên quan đến tài sản đấu giá và không có quyền khiếu nại về việc này. Mọi thắc mắc hay có sự sai lệch về thông tin tài sản phải thông báo bằng văn bản cho Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị giải quyết trước 02 (hai) ngày mở cuộc đấu giá. Nếu như không có khiếu nại gì thì người đăng ký tham gia đấu giá chấp nhận những thông tin liên quan đến tài sản đấu giá. Mọi khiếu nại về thông tin liên quan đến tài sản trong cuộc đấu giá hoặc sau khi cuộc đấu giá kết thúc sẽ không được giải quyết.

2. Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ đấu giá: Trong giờ hành chính từ ngày ra thông báo cho đến 17h00 ngày 14/11/2023 tại Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị.

3. Cách thức Đăng ký tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị hoặc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Nam Đông.

Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty phát hành;
- Trường hợp đã kết hôn: Căn cước công dân của 02 vợ chồng và giấy Đăng ký kết hôn: 02 bản sao;

- Trường hợp độc thân: Căn cước công dân và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 02 bản sao;

- Trường hợp khách hàng nộp Chứng minh nhân dân hoặc nơi thường trú khác với thông tin trên Căn cước công dân nộp kèm Giấy xác nhận thông tin về cư trú do cơ quan có thẩm quyền cấp: 02 bản sao.

4. Thời gian, địa điểm mua và nộp hồ sơ đấu giá:

- Tại Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị: Từ ngày ra thông báo cho đến 17h00 ngày 14/11/2023.

- Tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Nam Đông: từ 08h00 đến 11h00 ngày 14/11/2023.

5. Thời gian, địa điểm nộp tiền đặt trước: Từ 8h00 ngày 14/11/2023 đến 17h00 ngày 16/11/2023.

Khách hàng nộp tiền đặt trước bằng cách chuyển khoản hoặc nộp tiền vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị:

- Số tài khoản: 4000238555555 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số tài khoản: 118000137557 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế.

- Số tài khoản: 55110003443345 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

- Số tài khoản: 1028459889 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương VN – CN Huế.

* Nội dung nộp tiền đặt trước: “Họ và tên khách hàng tham gia đấu giá – Nộp tiền đặt trước đấu giá đất tại thị trấn Khe Tre”

* Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước trước thời gian quy định là tự nguyện và tự chịu trách nhiệm về khoản tiền đặt trước đã nộp.

* Tiền đặt trước được xác nhận có trong tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị và kèm theo giấy nộp tiền trước 17h00 ngày 16/11/2023.

VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ:

Thời gian tổ chức đấu giá: 08h30 ngày 17/11/2023.

Địa điểm tổ chức đấu giá: tại hội trường UBND thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế

VIII. HÌNH THỨC ĐẤU GIÁ, PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ:

1. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng cách bỏ phiếu kín trực tiếp tại cuộc đấu giá theo từng vòng đấu, liên tục cho đến khi không còn người yêu cầu đấu giá tiếp, người có mức giá trả cao nhất là người trúng đấu giá.

2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

IX. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Nam Đông - 189 Khe Tre, Thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Số điện thoại: 0234.3893000.

- Công ty đấu giá hợp danh Chuỗi Giá Trị - Tầng 2, số 39 Tố Hữu, phường Xuân Phú, thành phố Huế. Số điện thoại: 02343.895.995, Website: chuoigiatri.com.vn

Nơi nhận:

- Công TTĐT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đài TRT Huế;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Nam Đông;
- UBND huyện Nam Đông;
- UBND thị trấn Khe Tre;
- Niêm yết công khai nơi có tài sản BĐG;
- Niêm yết công khai tại TTĐG;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT; Hs.

GIÁM ĐỐC *nh*



Lê Văn Lập

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

TỶ LỆ 1:1000

Công trình: PHÂN LÔ ĐẦU GIÁ KHU QUY HOẠCH TỔ DÂN PHỐ 1, THỊ TRẤN KHE TRE (KHU B)
 Địa chỉ khu đất: Tổ dân phố 1, Thị trấn Khe Tra - huyện Nam Đông - tỉnh Thừa Thiên Huế
 Diện tích xin giao: 11408.0 m² (Mười một nghìn bốn trăm linh tám mét vuông)
 Đơn vị xin giao: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Nam Đông
 (Kèm theo quyết định số:...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 202..... của UBND.....)

1789
600

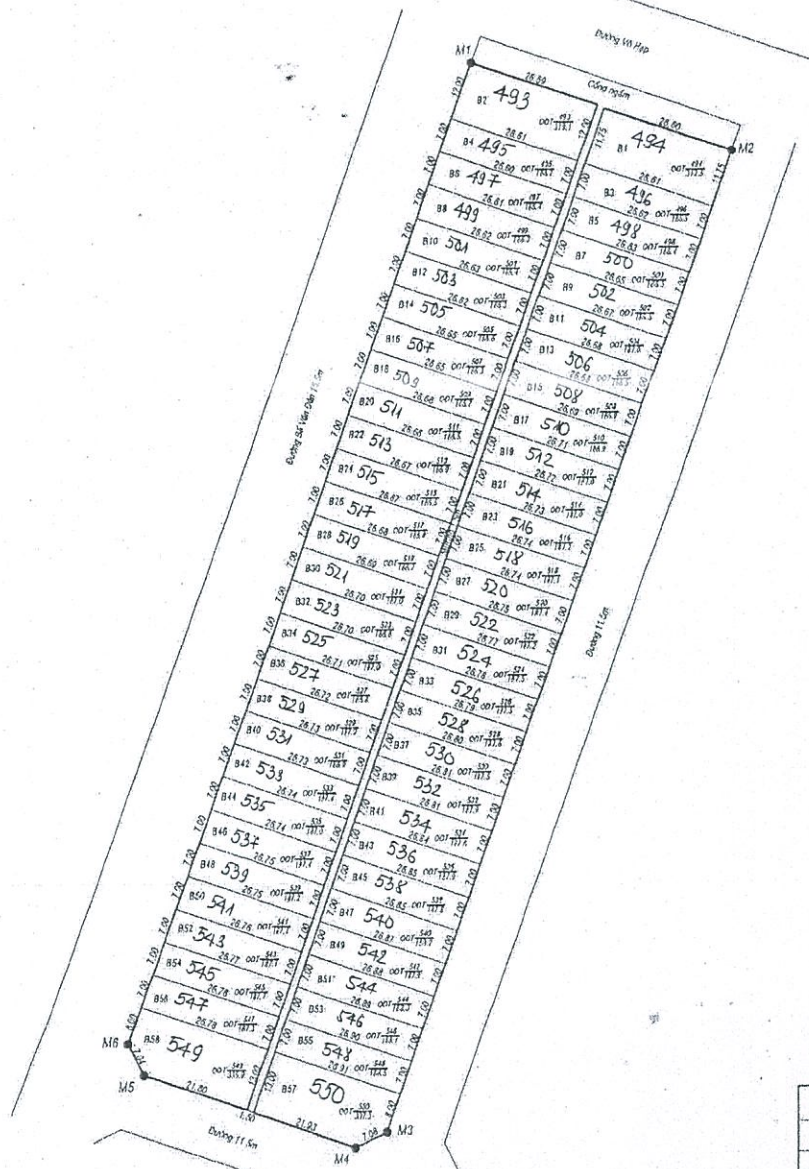
1789
600

500

500

400

400



TOẠ ĐỘ MỐC GIỚI KHU ĐẤT
(HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000)

Mốc	X	Y
M1	1788606.11	576648.97
M2	1789588.28	576700.57
M3	1789291.41	576631.14
M4	1789288.33	576624.76
M5	1789403.12	576582.01
M6	1789409.47	576578.96



BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH	
Diện tích đo vẽ:	11408.0 m ²
Trong đó:	
Đất ở đô thị (ODT):	11408.0 m ²
Khu đất được trích đo từ tờ BD địa chính số 8 - TT Khe Tra	
<u>Ghi chú</u>	
Ranh giới thửa đất	

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN NAM ĐÔNG		ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN KHE TRE	
Ngày 20 tháng 6 năm 2023 Người đo	CH. VPBKDD NAM ĐÔNG Ngày 20 tháng 6 năm 2023 GIÁM ĐỐC	Ngày 20 tháng 6 năm 2023 CHỦ TỊCH	
<i>Trần Anh Tuấn</i> Trần Anh Tuấn Ngày 20 tháng 6 năm 2023 Người vẽ	<i>Phan Thanh Lý</i> Phan Thanh Lý	<i>Trần Đình Vĩnh Lộc</i> Trần Đình Vĩnh Lộc	

1789
300

1789
300